

Số: ~~1850~~/BC-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA GIẢNG VIÊN VỀ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018 – 2019**

Công tác khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức, người lao động về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ năm học 2018 – 2019 được thực hiện theo kế hoạch số 553/KH-ĐHYDCT ngày 25/4/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

**I. Mục đích**

- Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức, người lao động về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ năm học 2018 – 2019 sẽ cung cấp một kênh thông tin, giúp Nhà trường, các khoa/bộ môn và các đơn vị hỗ trợ đào tạo góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường, tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức, quản lý;

- Là một kênh thông tin quan trọng của bên liên quan giúp Nhà trường, tập thể/ cá nhân trong trường cải tiến liên tục, nâng cao chất lượng về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác;

- Là một kênh thông tin giúp Nhà trường, các cấp quản lý và lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường có cơ sở để nhận xét, đánh giá các đơn vị, CBVC và người lao động;

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của CBVC, người lao động; tạo điều kiện để CBVC, người lao động phản ánh tâm tư, nguyện vọng và thể hiện chính kiến của mình về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Nhà trường.

**II. Tổ chức khảo sát**

**2.1. Đối tượng khảo sát**

Việc khảo sát được áp dụng cho tất cả các giảng viên trong toàn Trường.

**2.2. Nội dung khảo sát**

Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên về chương trình đào tạo Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tập trung vào các nội dung sau:

- Chương trình đào tạo,
- Hoạt động dạy – học

- Các hoạt động hỗ trợ GV

### 2.3. Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát

- Quy trình thực hiện được đảm bảo đúng theo nguyên tắc khảo sát, và các bước trong kế hoạch.

- Bộ câu hỏi được tích hợp vào hệ thống quản lý đào tạo và khảo sát trực tuyến từ ngày 02/05/2019 đến ngày 30/7/2019.

- Số liệu khảo sát được xuất ra từ hệ thống quản lý đào tạo qua phần mềm văn phòng xử lý số liệu, được tổng hợp, phân tích, thống kê mô tả.

- Thang đánh giá:

+ Thang đánh giá gồm 5 bậc:

0. Không hài lòng 1. Hài lòng ít 2. Tạm chấp nhận 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

Hoặc

0. Không đồng ý 1. Đồng ý một phần nhỏ 2. Tạm chấp nhận 3. Đồng ý 4. Rất đồng ý

+ Thang điểm được tính:

Mức độ hài lòng/đồng ý = tỷ lệ của bậc 3 + tỷ lệ của bậc 4

Điểm trung bình của biến số = bậc 0\* 0.2+ bậc 1\* 0.4 + bậc 2\* 0.6+ bậc 3\*0.8 + bậc 4\*1

+ Thang đánh giá chung:

Điểm trung bình của biến số: Yếu: <50, Trung bình: 50-<65, Khá: 65- <80, tốt: 80-85, rất tốt: >85-90, xuất sắc: >90.

Và có các câu hỏi mở để giảng viên đóng góp thêm các ý kiến.

### III. Kết quả khảo sát

#### 3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

**Bảng 1.** Số lượng và tỷ lệ giảng viên các đơn vị tham gia khảo sát về chương trình đào tạo, hoạt động dạy – học

TT	Khoa và đơn vị	Số lượng giảng viên cài đặt khảo sát	Số lượng giảng viên trả lời khảo sát	Tỷ lệ khảo sát (%)
1	Khoa Y	224	66	32
2	Khoa Dược	42	30	71
3	Khoa Răng hàm mặt	23	21	70
4	Khoa Y tế công cộng	20	16	80
5	Khoa Điều dưỡng và KTYH	31	6	19
6	Khoa KHCB	40	30	75
7	Đơn vị HLKN	8	5	63
<b>Tổng</b>		<b>388</b>	<b>174</b>	<b>45</b>

**Nhận xét:** Đã khảo sát được ý kiến của 174/388 (tỉ lệ 45%) giảng viên các đơn vị trong toàn trường. Số lượng tham gia khảo sát còn ít, dù đảm bảo tính đại diện. Tỷ lệ GV Khoa YTCC tham gia cao nhất, khoa Y tham gia ít nhất.

**Bảng 2.** Tỷ lệ chương trình đào tạo được chọn để đánh giá

TT	Tên chương trình đào tạo	Số lượt chọn/ Tổng lượt	Tỷ lệ
1	Ngành Y khoa	92/174	52.9
2	Ngành Dược học	45/174	25.9
3	Ngành Răng Hàm Mặt	41/174	23.6
4	Ngành Y Học Cổ Truyền	23/174	13.2
5	Ngành Kỹ thuật Xét Nghiệm y học	20/174	11.5
6	Ngành Điều Dưỡng	22/174	12.6
7	Ngành Y Tế Công Cộng	26/174	14.9
8	Ngành Y Học Dự Phòng	38/174	21.8

**Nhận xét:** Ngành Y khoa có tỷ lệ chọn để cho ý kiến cao nhất, ngành Kỹ thuật Xét Nghiệm y học có tỷ lệ chọn để cho ý kiến thấp nhất, cỡ mẫu tối thiểu n= 20

**Bảng 3.** Tỷ lệ % giảng viên chọn để đánh giá chương trình đào tạo của đơn vị

Stt	GV thuộc	Tỷ lệ % giảng viên chọn ngành ĐT							
		YTCC	YHDP	KTXNYH	ĐD	Dược	RHM	YHCT	Y
1	Khoa Y	4.5	10.6	9.1	7.6	3	9.1	16.7	92.4
2	Khoa RHM	0	4.8	4.8	4.8	4.8	100	4.8	4.8
3	Khoa Dược	0	0	0	0	96.7	0	0	3.3
4	Khoa ĐD	16.7	16.7	50	83.3	16.7	16.7	16.7	16.7
5	Khoa YTCC	81.3	100	12.5	12.5	12.5	12.5	12.5	12.5
6	Khoa KHCB	32	28	28	36	36	28	24	80
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	0	0	0
8	P. NCKH-QHQT	100	0	0	0	0	0	0	0
9	Phòng CTSV	0	0	0	0	0	0	0	100
10	Phòng CNTT	0	0	50	0	50	0	0	50
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	0	0	0
12	Đơn vị HLKN	0	100	0	0	0	100	50	100

**Nhận xét:** Giảng viên được nhận xét cho nhiều CTĐT, là các chương trình mà họ tham gia giảng dạy; qua kết quả cho thấy đa số GV góp ý cho CTĐT đào tạo mà đơn vị họ quản lý

### 3.2 Phân tích chung

**Bảng 4.** Kết quả đánh giá cán bộ công chức, viên chức các đơn vị tham gia khảo sát về chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Hoàn toàn k đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	ĐTB
1	Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Trường và nhu cầu xã hội	0	0	8	64.9	27	83.72
2	Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng	0	0.6	12.6	71.8	14.9	80.14
3	Các học phần cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng Chuẩn đầu ra của CTĐT	0	0.6	14.9	62.1	22.4	81.26
4	Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý	0	2.3	19.5	60.9	17.2	78.54
5	Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học	0.6	1.1	16.7	68.4	13.2	78.5
6	Tỷ lệ số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý	0	2.9	11.5	65.5	20.1	80.56
7	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý	0	2.3	14.4	67.8	15.5	79.3
8	Các phương pháp dạy-học của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra	0	1.1	15.5	73	10.3	78.44
9	Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra	0	2.3	20.7	65.5	11.5	77.24
10	Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đảm bảo tính minh bạch, công khai, công bằng	0	1.15	13.79	70.7	14.36	79.65
11	Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học	0	5.7	20.7	63.2	10.3	75.56
12	Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập	0.6	2.9	23.6	61.5	11.5	76.14
13	Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ được phổ biến rõ ràng và kịp thời	0	0.6	2.3	67.8	29.3	85.16
14	Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ là hợp lý	0	1.7	10.9	69	18.4	80.82
15	Trường tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy và	0	0.6	9.8	59.2	30.5	83.98

TT	Nội dung	Hoàn toàn k đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	ĐTB
	học						
16	Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn	0	0	5.7	50.6	43.7	<b>87.6</b>
17	Trường tạo điều kiện cho việc trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học	0	0.6	8.6	59.8	31	84.24
18	GV được tạo điều kiện để đầu tư tài liệu, giáo trình, bài giảng	0	2.9	12.6	59.8	24.7	81.26
<b>Điểm trung bình</b>							<b>80.67</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận chung về CTĐT và các hoạt động đào tạo đạt mức **Tốt**.

Điểm đồng thuận cao nhất là nội dung “Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn” (mức **Rất Tốt**), kế đến là “Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ được phổ biến rõ ràng và kịp thời”, “Trường tạo điều kiện cho việc trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học” và “Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Trường và nhu cầu xã hội”

Điểm đồng thuận thấp nhất là nội dung “Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học”. Các nội dung “Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học”, “Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập”, “Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra”, “Các phương pháp dạy-học của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra”, “Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học”, “Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý”, “Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý”, “Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đảm bảo tính minh bạch, công khai, công bằng” chỉ đạt mức **Khá**

### 3.3 Phân tích theo từng tiêu chí

**Bảng 5.** Kết quả đánh giá tiêu chí “Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Trường và nhu cầu xã hội theo đơn vị”

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn k đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	24.2	72.7	3	0	0	84.16
2	Khoa RHM	14.3	81	4.8	0	0	81.98
3	Khoa Dược	23.3	60	16.7	0	0	81.32
4	Khoa ĐD	50	50	0	0	0	90

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
5	Khoa YTCC	37.5	50	12.5	0	0	85
6	Khoa KHCB	36	52	12	0	0	84.8
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	50	25	25	0	0	85
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>83.52</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Trường và nhu cầu xã hội theo đơn vị” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD là mức *Xuất sắc*, khoa YTCC và đơn vị HLKN mức *Rất tốt*

**Bảng 6.** Kết quả đánh giá tiêu chí Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	10.6	83.3	6.1	0	0	80.9
2	Khoa RHM	14.3	76.2	9.5	0	0	80.96
3	Khoa Dược	10	66.7	23.3	0	0	77.34
4	Khoa ĐD	50	50	0	0	0	90
5	Khoa YTCC	25	68.8	6.3	0	0	83.82
6	Khoa KHCB	16	56	24	4	0	76.8
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	25	50	0	0	75
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>81.23</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD là mức *Xuất sắc*, khoa Dược, KHCB và đơn vị HLKN chỉ đồng thuận mức *Khá*

**Bảng 7.** Kết quả đánh giá tiêu chí Các học phần cung cấp đủ kiến thức phù hợp với Chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	10.6	83.3	6.1	0	0	80.9
2	Khoa RHM	14.3	76.2	9.5	0	0	80.96
3	Khoa Dược	10	66.7	23.3	0	0	77.34
4	Khoa ĐD	50	50	0	0	0	90
5	Khoa YTCC	25	68.8	6.3	0	0	83.82
6	Khoa KHCB	16	56	24	4	0	76.8
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	25	50	0	0	75
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>81.24</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các học phần cung cấp đủ kiến thức phù hợp với Chuẩn đầu ra của CTĐT” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD là mức *Xuất sắc*, khoa Dược, KHCB và đơn vị HLKN chỉ đồng thuận mức *Khá*

**Bảng 8.** Kết quả đánh giá tiêu chí Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	10.6	72.7	13.6	3	0	78.12
2	Khoa RHM	9.5	47.6	38.1	4.8	0	72.36
3	Khoa Dược	20	56.7	23.3	0	0	79.34
4	Khoa ĐD	50	50	0	0	0	90
5	Khoa YTCC	31.3	56.3	6.3	6.3	0	82.64
6	Khoa KHCB	24	56	20	0	0	80.8
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	0	100	0	0	60
12	Đơn vị HLKN	0	75	25	0	0	75
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>75.69</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý” chỉ đạt mức **Khá**; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD là mức **Xuất sắc**, khoa Y, RHM, Dược, KHCB, HLKN chỉ đồng thuận mức **Khá**; riêng GV từ các phòng ĐTSĐH, NCKH-HTQT, ĐBCL chỉ đánh giá mức **Trung bình**

**Bảng 9.** Kết quả đánh giá tiêu chí Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
1	Khoa Y	13.6	71.2	13.6	0	1.5	79.02
2	Khoa RHM	4.8	71.4	23.8	0	0	76.2
3	Khoa Dược	10	66.7	20	3.3	0	76.68
4	Khoa ĐD	16.7	83.3	0	0	0	83.34
5	Khoa YTCC	31.3	62.5	0	6.3	0	83.82
6	Khoa KHCB	12	56	32	0	0	76
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	0	100	0	0	60
12	Đơn vị HLKN	0	100	0	0	0	80
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>78.76</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học” chỉ đạt mức **Khá**; trong đó điểm đồng thuận của GV các khoa Y, RHM, Dược, KHCB chỉ đồng thuận mức **Khá**

**Bảng 10.** Kết quả đánh giá tiêu chí Tỷ lệ số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
1	Khoa Y	15.2	71.2	10.6	3	0	79.72
2	Khoa RHM	9.5	71.4	14.3	4.8	0	77.12
3	Khoa Dược	20	60	13.3	6.7	0	78.66
4	Khoa ĐD	33.3	66.7	0	0	0	86.66
5	Khoa YTCC	37.5	56.3	6.3	0	0	86.32
6	Khoa KHCB	28	56	16	0	0	82.4
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90



TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
11	Phòng ĐBCL	0	0	100	0	0	60
12	Đơn vị HLKN	25	75	0	0	0	85
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>80.5</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Tỷ lệ số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD, YTCC, HLKN là mức *Rất tốt*, các khoa Y, RHM, Dược chỉ đồng thuận mức *Khá*

**Bảng 11.** Kết quả đánh giá tiêu chí Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
1	Khoa Y	13.6	65.2	19.7	1.5	0	78.18
2	Khoa RHM	9.5	71.4	9.5	9.5	0	76.12
3	Khoa Dược	10	86.7	3.3	0	0	81.34
4	Khoa ĐD	50	33.3	16.7	0	0	86.66
5	Khoa YTCC	18.8	68.8	12.5	0	0	81.34
6	Khoa KHCB	24	56	20	0	0	80.8
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	0	75	0	25	0	70
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>78.7</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý” chỉ đạt mức *Khá*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD là mức *Rất tốt*, các khoa Y, RHM, HLKN chỉ đồng thuận mức *Khá*

**Bảng 12.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí Các hình thức dạy-học của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
1	Khoa Y	4.5	77.3	18.2	0	0	77.26
2	Khoa RHM	9.5	71.4	19	0	0	78.02
3	Khoa Dược	13.3	73.3	13.3	0	0	79.92
4	Khoa ĐD	0	83.3	16.7	0	0	76.66
5	Khoa YTCC	25	68.8	0	6.3	0	82.56
6	Khoa KHCB	16	72	12	0	0	80.8

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	0	100	0	0	60
12	Đơn vị HLKN	0	50	25	25	0	65
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>75.85</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các hình thức dạy-học của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra” chỉ đạt mức *Khá*; chỉ có các khoa YTCC, KHCB đồng thuận mức *Tốt*

**Bảng 13.** Kết quả đánh giá Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
1	Khoa Y	7.6	69.7	22.7	0	0	76.98
2	Khoa RHM	9.5	66.7	23.8	0	0	77.14
3	Khoa Dược	13.3	66.7	13.3	6.7	0	77.32
4	Khoa ĐD	16.7	66.7	16.7	0	0	80.08
5	Khoa YTCC	25	62.5	12.5	0	0	82.5
6	Khoa KHCB	12	60	24	4	0	76
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	0	100	0	0	60
12	Đơn vị HLKN	0	50	25	25	0	65
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>75.42</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra” chỉ đạt mức *Khá*; chỉ có các khoa ĐD, YTCC đồng thuận mức *Tốt*

**Bảng 14.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	3	71.2	21.2	4.5	0	74.48
2	Khoa RHM	9.5	52.4	33.3	4.8	0	73.32
3	Khoa Dược	16.7	53.3	20	10	0	75.34

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
4	Khoa ĐD	0	100	0	0	0	80
5	Khoa YTCC	18.8	62.5	12.5	6.3	0	78.82
6	Khoa KHCB	20	64	16	0	0	80.8
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	0	0	100	0	40
12	Đơn vị HLKN	0	50	25	25	0	65
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>71.48</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học” chỉ đạt mức *Khá*; chỉ có các khoa ĐD, KHCB đồng thuận mức *Tốt*

**Bảng 15.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	9.1	66.7	24.2	0	0	76.98
2	Khoa RHM	9.5	71.4	14.3	4.8	0	77.12
3	Khoa Dược	13.3	56.7	23.3	3.3	3.3	74.62
4	Khoa ĐD	0	66.7	33.3	0	0	73.34
5	Khoa YTCC	12.5	50	31.3	6.3	0	73.8
6	Khoa KHCB	16	60	24	0	0	78.4
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	0	0	100	0	40
12	Đơn vị HLKN	25	50	0	25	0	75
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>71.6</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập” chỉ đạt mức *Khá*; không có đơn vị đào tạo nào đồng thuận mức *Tốt*

**Bảng 16.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ được phổ biến rõ ràng và kịp thời

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	19.7	77.3	3	0	0	83.34
2	Khoa RHM	14.3	85.7	0	0	0	82.86
3	Khoa Dược	36.7	60	3.3	0	0	86.68
4	Khoa ĐD	50	50	0	0	0	90
5	Khoa YTCC	43.8	50	0	6.3	0	86.32
6	Khoa KHCB	48	48	4	0	0	88.8
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	75	0	0	0	85
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>84.42</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ được phổ biến rõ ràng và kịp thời” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD, Dược, KHCB, HLKN là mức *Rất tốt*

**Bảng 17.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ là hợp lý

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	9.1	78.8	12.1	0	0	79.4
2	Khoa RHM	9.5	76.2	9.5	4.8	0	78.08
3	Khoa Dược	23.3	60	16.7	0	0	81.32
4	Khoa ĐD	16.7	83.3	0	0	0	83.34
5	Khoa YTCC	37.5	56.3	0	6.3	0	85.06
6	Khoa KHCB	32	56	12	0	0	84
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	100	0	0	0	80
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	25	25	25	0	70
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>80.93</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ là hợp lý” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa YTCC là mức *Rất tốt*, các khoa Y, RHM, HLKN chỉ đồng thuận mức *Khá*

**Bảng 18.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí Trường tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy và học

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	27.3	65.2	7.6	0	0	84.02
2	Khoa RHM	19	76.2	4.8	0	0	82.84
3	Khoa Dược	30	50	20	0	0	82
4	Khoa ĐD	33.3	66.7	0	0	0	86.66
5	Khoa YTCC	37.5	50	12.5	0	0	85
6	Khoa KHCB	48	48	4	0	0	88.8
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	50	0	25	0	75
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>79.53</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Trường tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy và học” chỉ đạt mức *Khá*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD, YTCC, KHCB là mức *Rất tốt*, đơn vị HLKN chỉ đồng thuận mức *Khá*

**Bảng 19.** Bảng kết quả đánh giá Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	48.5	50	1.5	0	0	89.4
2	Khoa RHM	19	76.2	4.8	0	0	82.84
3	Khoa Dược	36.7	50	13.3	0	0	84.68
4	Khoa ĐD	50	50	0	0	0	90
5	Khoa YTCC	43.8	50	6.3	0	0	87.58
6	Khoa KHCB	56	36	8	0	0	89.6
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	100	0	0	0	0	100
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
12	Đơn vị HLKN	75	25	0	0	0	95
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>84.93</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD, HLKN là mức *Xuất sắc*, các Khoa Y, YTCC, KHCB là mức *Rất tốt*

**Bảng 20.** Bảng kết quả đánh giá Trường tạo điều kiện cho việc trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn KĐY	Điểm TB
1	Khoa Y	36.4	59.1	3	1.5	0	86.08
2	Khoa RHM	14.3	76.2	9.5	0	0	80.96
3	Khoa Dược	16.7	70	13.3	0	0	80.68
4	Khoa ĐD	33.3	66.7	0	0	0	86.66
5	Khoa YTCC	37.5	37.5	25	0	0	82.5
6	Khoa KHCB	44	48	8	0	0	87.2
7	P. ĐTSĐH	0	100	0	0	0	80
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	100	0	0	0	0	100
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	75	0	0	0	85
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>82.42</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “Trường tạo điều kiện cho việc trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học” đạt mức *Tốt*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD, KHCB, HLKN là mức *Rất tốt*

**Bảng 21.** Bảng kết quả đánh giá tiêu chí GV được tạo điều kiện để đầu tư tài liệu, giáo trình, bài giảng

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
1	Khoa Y	22.7	66.7	9.1	1.5	0	82.12
2	Khoa RHM	19	66.7	9.5	4.8	0	79.98
3	Khoa Dược	16.7	53.3	20	10	0	75.34
4	Khoa ĐD	33.3	66.7	0	0	0	86.66

TT	Đối tượng	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn kg đồng ý	Điểm TB
5	Khoa YTCC	37.5	43.8	18.8	0	0	83.82
6	Khoa KHCB	36	52	12	0	0	84.8
7	P. ĐTSĐH	0	0	100	0	0	60
8	P. NCKH-QHQT	0	0	100	0	0	60
9	Phòng CTSV	0	100	0	0	0	80
10	Phòng CNTT	50	50	0	0	0	90
11	Phòng ĐBCL	0	100	0	0	0	80
12	Đơn vị HLKN	25	75	0	0	0	85
	<b>Điểm trung bình</b>						<b>78.98</b>

**Nhận xét:** Điểm đồng thuận của tất cả GV về nội dung “GV được tạo điều kiện để đầu tư tài liệu, giáo trình, bài giảng” chỉ đạt mức *Khá*; trong đó điểm đồng thuận của GV khoa ĐD, HLKN là mức *Rất tốt*, các khoa Dược, RHM chỉ đồng thuận mức *Khá*

### 3.4 Các ý kiến góp ý

**Tổng số ý kiến: 49**

Nội dung góp ý	Số lần lặp lại
1. Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Dược hợp lý hơn, đáp ứng nhu cầu xã hội	
2. Bổ sung các học phần tự chọn rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên như làm việc nhóm, kỹ năng nghiên cứu khoa học, quản lý nhóm, thuyết trình, đồ họa, văn thể mỹ	2
3. Cần có sự phối hợp tốt giữa các bộ môn, khoa trong việc xây dựng chương trình đào tạo để không bị chồng chéo các chủ đề dạy học.	2
4. Một số nhóm xuống lâm sàng khi chưa được giảng skill thăm khám tương ứng với khoa lâm sàng (Tham khảo ý kiến một số sinh viên trực tại khoa lâm sàng bệnh viện Trường). Các em xuống chưa định hình được những kỹ năng cơ bản phục vụ cho việc học tập tại khoa lâm sàng (nhóm đầu tiên của Y3 đi khối lâm sàng)	
5. Hiện nay mỗi bộ môn số lượng giảng viên còn ít, kiêm nhiệm nhiều vị trí nên giờ giảng dạy cho sinh viên bị ảnh hưởng. Do giảng viên phải làm cả phần thủ tục hành chính rất nhiều. Do đó mong rằng Trường sẽ tuyển thêm cán bộ phụ trách văn thư/ tổng hợp cho mỗi bộ môn	
6. Trường có tạo điều kiện cho GV học tập ngoại ngữ, tin học, đầu tư giáo trình câu hỏi trắc nghiệm nhưng tính định biên chặt chẽ quá là hơi mâu thuẫn	
7. Bổ sung nguồn giáo trình đã nghiệm thu cấp trường, cập nhật chương trình đào tạo tiến tiến nước ngoài và xem xét ứng dụng thực tế trường.	
8. Đi lâm sàng chiều nên xem xét có cần thiết không, ảnh hưởng thời gian tự học của sinh viên. Một số học phần quá rườm rà trong đánh giá điểm kiểm tra thường xuyên, nhiều bài kiểm tra cộng lại chỉ để lấy cột điểm này, hơi rườm rà, mệt mỏi,	

Nội dung góp ý	Số lần lặp lại
áp lực...như học phần huấn luyện kỹ năng, tâm thần, da liễu...	
9. Nội dung kiến thức trong chương trình còn quá nặng, một số phần không cần thiết phải dạy cho sinh viên đại học.	
11. Cần có biện pháp quyết liệt hơn, cả về chế tài cho việc tiến hành biên soạn, nghiệm thu giáo trình.	
12. Đào tạo đại học là đào tạo nghề nên cần chú trọng bố trí thời gian thực hành nhiều hơn và hợp lý hơn, cần tính lập đi lập lại để sinh viên đủ thời gian ngấm khi được ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn	
13. Chỉ thi kết thúc học phần 1 lần, không tổ chức thi lần 2	
14. Chú trọng thực hành lâm sàng, tổ chức học lâm sàng cho phù hợp với từng bộ môn trong điều kiện sinh viên đông, nhiều đối tượng, nhiều trường, nâng cao hơn nữa kỹ năng xử lý tình huống trong lâm sàng, kỹ năng ra quyết định (đặc biệt chú ý kỹ năng xử lý ban đầu trước khi chuyển tuyến chuyên khoa), cần đa dạng các phương pháp đánh giá quá trình học tập nhất là đánh giá thực hành lâm sàng, thực hiện được các thủ thuật cơ bản, nâng cao khả năng truy cập thông tin để bổ sung bài giảng (trong lớp, giáo trình), cần chú trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp, ý thức tự chủ bản thân, tự thân vận động, tự thân khởi nghiệp. kỹ năng hoạt động theo nhóm, tư duy logic, phản biện chặt chẽ- thuyết phục,	2
15. Cần sắp xếp lại chương trình đào tạo, trình tự học các môn học	
16. Tiếp tục phát huy các yếu tố tích cực trong việc dạy và học. Động viên, tạo điều kiện cho nhiều các bộ GV học tập, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cập nhật thêm nhiều phương pháp giảng dạy, nghiên cứu mới và tích cực, để công tác giảng dạy ngày càng hiệu quả đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
17. Cần có sự rà soát đồng bộ. Quy trình khảo sát hợp lý, phải được xây dựng ngược lại từ kết quả quy về điểm bắt đầu	
18. đề nghị nâng cấp mạng wifi. Mạng yếu và rất chậm.	
19. Khối lượng kiến thức, câu hỏi thi cuối kỳ ít so với thời lượng và chương trình học nên chưa đánh giá hết được kiến thức, thực lực của sinh viên ngành Y Dược.	
20. Có thể cập nhật thêm những nội dung học phần tùy theo sự thay đổi thực tế tại các cơ sở làm việc sau này của YHDP. Bổ sung thêm những hoạt động cộng đồng + kết hợp với nghiên cứu khoa học cho các SV từ cuối năm 2 trở đi.	2
21. Đảm bảo tỷ lệ giảng viên: sinh viên phù hợp, hiệu quả.	
22. Định kỳ lấy ý kiến và xem xét tiếp thu ý kiến của các nhà tuyển dụng, đổi mới chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội	
23. Nên giảm bớt số lượng sinh viên. Cần có kế hoạch nhận giảng viên theo từng chuyên ngành đều đặn để khi các thầy cô lớn tuổi nghỉ hưu vẫn có giảng viên có kinh nghiệm để giảng dạy	
24. Chương trình đào tạo tốt, phù hợp chuẩn đầu ra Nhà trường cần các chính sách kích thích thái độ tích cực của giảng viên; Toàn thể giảng viên cần áp dụng chương trình đào tạo chặt chẽ, giờ lên lớp và các quy chế đào tạo nghiêm chỉnh,	



Nội dung góp ý	Số lần lặp lại
tạo nên sự đồng bộ và thống nhất cao trong toàn trường	
25. Cần hoàn chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra thì chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết học phần mới có thể được rà soát, điều chỉnh phù hợp.	2
26. Rà soát, thiết kế lại chương trình, nội dung bài và qui định phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra. Khuyến khích các phương pháp dạy học tích cực; Thảo luận nhóm, seminar,...Cho GV đăng ký dạy thí điểm bằng các phương pháp dạy học tích cực hoặc giảng dạy bằng tiếng anh. Trường tổ chức dự giờ, đánh giá hiệu quả và tạo điều kiện để phát triển mở rộng.	

#### 4. Kết luận

##### 4.1 Rút kinh nghiệm về quy trình khảo sát

- **Bộ công cụ:** xây dựng cụ thể nhằm tiếp thu ý kiến của giảng viên trong việc rà soát, điều chỉnh CTĐT. Tuy nhiên, vẫn còn một số tiêu chí chưa cụ thể.

- **Xuất kết quả của phần mềm:**

Số lượng giảng viên tham gia chưa đủ theo yêu cầu đề ra. Cần cải tiến khảo sát 100% giảng viên của Trường.

##### 4.2 Sử dụng kết quả khảo sát

**Các nội dung mặc dù đồng thuận cao nhưng vẫn cần tiếp tục rà soát, cải tiến:**

- Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn
- Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ được phổ biến rõ ràng và kịp thời
- Trường tạo điều kiện cho việc trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học
- Trường tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy và học
- Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Trường và nhu cầu xã hội
- Các học phần cung cấp đủ kiến thức, kỹ năng đáp ứng Chuẩn đầu ra của CTĐT
- GV được tạo điều kiện để đầu tư tài liệu, giáo trình, bài giảng
- Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ là hợp lý
- Tỷ lệ số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý
- Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng

**Các nội dung cần xem xét để cải tiến trong rà soát cập nhật CTĐT và hoạt động đào tạo**

- Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học
- Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập
- Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra

- Các phương pháp dạy-học của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra,
- Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học,
- Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý
- Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý
- Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đảm bảo tính minh bạch, công khai, công bằng

Phòng Đảm bảo chất lượng gửi kết quả chi tiết về cho phòng ĐTDH, các khoa để triển khai rút kinh nghiệm; làm cơ sở rà soát cập nhật CTĐT, ĐCCTHP; xây dựng giải pháp cải tiến hoạt động đào tạo và các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; mỗi đơn vị tổ chức họp, trích xuất các nội dung cần rút kinh nghiệm từ báo cáo này, xây dựng kế hoạch giải tiến sau 02 tuần công bố báo cáo. Phòng Đảm bảo chất lượng giám sát, tổng hợp công tác rút kinh nghiệm- cải tiến và báo cáo cải tiến.

Lãnh đạo các đơn vị phản hồi các ý kiến đóng góp của GV trong các buổi họp của đơn vị.

**Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng**

**Phạm Thị Mỹ Ngọc**



**Nơi nhận:**

- Ban Giám Hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: VT, ĐBCL.

## Phụ lục



# BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

## PHIẾU KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018 – 2019

**Tên chương trình đào tạo (có thể 01 hoặc nhiều CTĐT để đánh giá)**

- Ngành Bác Sĩ Đa Khoa
- Ngành Bác Sĩ Y Học Cổ Truyền-
- Ngành Bác Sĩ Răng Hàm Mặt
- Ngành Dược học
- Ngành Cử nhân Điều Dưỡng
- Ngành Xét Nghiệm y học
- Ngành Bác Sĩ Y Học Dự Phòng
- Ngành Cử Nhân Y Tế Công Cộng

**Hãy cho biết mức độ đồng ý/ hài lòng của Quý đồng nghiệp cho các tiêu chí với các mức độ từ 0 đến 4, như sau:**

- 0- Hoàn toàn không đồng ý/ hoàn toàn không hài lòng
- 1- Không đồng ý/ không hài lòng
- 2- Phân vân/ trung lập
- 3- Đồng ý/hài lòng
- 4- Rất đồng ý/ rất hài lòng

TT	Tiêu chí – Chỉ số đánh giá	1	2	3	4	5
1	Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Trường và nhu cầu xã hội					
2	Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng					
3	Các học phần cung cấp đủ kiến thức phù hợp với Chuẩn đầu ra của CTĐT					
4	Các học phần trong CTĐT được bố trí một cách hợp lý					
5	Các học phần tự chọn đáp ứng đủ nhu cầu của người học					
6	Tỷ lệ số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hợp lý					
7	Tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong các học phần là hợp lý					

TT	Tiêu chí – Chỉ số đánh giá	1	2	3	4	5
8	Các hình thức dạy-học của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra					
9	Các hình thức kiểm tra/đánh giá của chương trình đào tạo đo lường được chuẩn đầu ra					
10	Các giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu người học					
11	Các tài liệu tham khảo đáp ứng đủ cho người học học tập					
12	Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ được phổ biến rõ ràng và kịp thời					
13	Kế hoạch giảng dạy trong mỗi học kỳ là hợp lý					
14	Trường tạo điều kiện cho việc đổi mới phương pháp dạy và học					
15	Trường tạo điều kiện cho GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn					
16	Trường tạo điều kiện cho việc trau dồi kỹ năng ngoại ngữ, tin học					
17	GV được tạo điều kiện để đầu tư tài liệu, giáo trình, bài giảng					

Góp ý khác của Thầy/Cô về chương trình đào tạo?

.....

.....